

**CÔNG TY CỔ PHẦN VN INTERNATIONAL CÔNG NGHỆ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VN INTERNATIONAL CÔNG NGHỆ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TECHNOLOGY INTERNATIONAL VN JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: INTERNATIONAL VN.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109421976

**3. Ngày thành lập:** 18/11/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 269 đường Phạm Văn Đồng TDP Cáo Đình 2, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985558658

Fax:

Email: [duongthuyduong278@gmail.com](mailto:duongthuyduong278@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất linh kiện điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2610        |
| 2.  | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                          | 2620        |
| 3.  | Sản xuất thiết bị truyền thông                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2630        |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2640        |
| 5.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết:<br>- Sửa chữa, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị do công ty lắp đặt.                                                                                                                                                                                                         | 3312        |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3314        |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3313        |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn van và ống điện tử;<br>- Bán buôn thiết bị bán dẫn;<br>- Bán buôn mạch tích hợp và mạch vi xử lý;<br>- Bán buôn mạch in;<br>- Bán buôn thiết bị điện thoại và truyền thông;<br>- Bán buôn tivi, radio, thiết bị vô tuyến, hữu tuyến. | 4652(Chính) |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi).                                       | 4659 |
| 11. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4741 |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt các hệ thống điện, hệ thống camera giám sát, hệ thống đỗ xe và máy vi tính.                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321 |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa.<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4610 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;<br>- Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở, lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản). | 4322 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4329 |
| 16. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330 |
| 17. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690 |
| 18. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4742 |
| 19. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6201 |
| 20. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông)                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6311 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 21. | <p>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn, trợ giúp khách hàng lắp đặt sản phẩm phần cứng;</li> <li>- Phân phối, lưu thông các sản phẩm phần cứng;</li> <li>- Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành sản phẩm phần cứng;</li> <li>- Dịch vụ quản trị, bảo hành, bảo trì hoạt động của phần mềm và hệ thống thông tin;</li> <li>- Dịch vụ tư vấn, đánh giá, thẩm định chất lượng phần mềm;</li> <li>- Dịch vụ tư vấn, xây dựng dự án phần mềm;</li> <li>- Dịch vụ tư vấn định giá phần mềm;</li> <li>- Dịch vụ chuyển giao công nghệ phần mềm;</li> <li>- Dịch vụ tích hợp hệ thống;</li> <li>- Dịch vụ ứng dụng viễn thông;</li> <li>- Cung cấp (dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng).</li> </ul> | 6209 |
| 22. | <p>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động tư vấn đầu tư (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật).</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6619 |
| 23. | <p>Hoạt động viễn thông khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động của các điểm truy cập internet</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6190 |
| 24. | <p>Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tư vấn thiết kế chuyên dụng: hệ thống điện, hệ thống camera giám sát, hệ thống đỗ xe và máy vi tính trong các tòa nhà</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6202 |
| 25. | <p>Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển;</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển;</li> <li>- Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển;</li> <li>- Cho thuê tàu, thuyền và kết cấu nổi không kèm người điều khiển.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7730 |
| 26. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động tư vấn kỹ thuật thiết kế chuyên dụng: hệ thống điện, hệ thống camera giám sát, hệ thống đỗ xe và máy vi tính trong các tòa nhà.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7110 |

|     |                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 27. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn quản lý thực hiện dự án đầu tư xây dựng                                                                                                     | 7020 |
| 28. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch.                                                                                | 7912 |
| 29. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động phiên dịch                                                                                | 7490 |
| 30. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                     | 7310 |
| 31. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                     | 8230 |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá                          | 8299 |
| 33. | Sửa chữa thiết bị liên lạc                                                                                                                                                                    | 9512 |
| 34. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi<br>Chi tiết:<br>- Sửa chữa và bảo dưỡng các thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;<br>- Sửa chữa các dụng cụ và thiết bị quang học. | 9511 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                       | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | DƯƠNG THÙY DƯƠNG   | Số 273 đường Phạm Văn Đồng, TDP Cáo Đình 2, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    | 0011870001<br>17                                                                            |         |
|     |                    |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                            | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN MINH TRƯỜNG | Xóm 7, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     | 0010980000<br>75                                                                            |         |
|     |                    |                                                                                                            | Cổ phần phổ thông         | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                    |                                                                                                            | Tổng số                   | 50.000     | 500.000.000           | 25,000    |                                                                                             |         |

|   |                   |                                                                                                            |                           |         |               |        |              |
|---|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 3 | DƯƠNG THỊ MỸ LINH | Số 273 đường Phạm Văn Đồng, TDP Cáo Đình 2, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 100.000 | 1.000.000.000 | 50,000 | 001179000207 |
|   |                   |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                            | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                   |                                                                                                            | Tổng số                   | 100.000 | 1.000.000.000 | 50,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: DƯƠNG THỊ MỸ LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 28/06/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001179000207

Ngày cấp: 24/12/2012 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 273 đường Phạm Văn Đồng, TDP Cáo Đình 2, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 273 đường Phạm Văn Đồng, TDP Cáo Đình 2, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội